

Số: **824** /BVNHN-VTTBYT
V/v yêu cầu báo giá mua sắm công
cụ, dụng cụ năm 2025 của Bệnh viện
Nhi Hà Nội

Hà Nội, ngày **22** tháng **8** năm 2025

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Hiện nay Bệnh viện Nhi Hà Nội có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng kế hoạch mua sắm công cụ, dụng cụ năm 2025 của Bệnh viện Nhi Hà Nội với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của Đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Nhi Hà Nội (Đường Nguyễn Trác, phường Dương Nội, thành phố Hà Nội)

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

- ThS-KS Nguyễn Mạnh Cường; Phòng Vật tư - Thiết bị y tế; điện thoại: 0915 155 669; Email: vattunhihn@gmail.com

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp tại Văn thư - Bệnh viện Nhi Hà Nội; Đường Nguyễn Trác, phường Dương Nội, thành phố Hà Nội và bản scan gửi qua email: vattunhihn@gmail.com

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá:

- Từ ngày 22 tháng 08 năm 2025 đến trước 16h30 ngày 03 tháng 09 năm 2025.

- Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày báo giá.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục mua sắm (*Phụ lục kèm theo*)

2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt: Bệnh viện Nhi Hà Nội (Đường Nguyễn Trác, phường Dương Nội, thành phố Hà Nội)

3. Thời gian giao hàng dự kiến: Năm 2025

4. Báo giá chi tiết (*Biểu mẫu kèm theo*).

5. Các thông tin khác (nếu có)

- Lưu ý: Để đánh giá đáp ứng về kỹ thuật của hàng hóa do công ty chào so với yêu cầu của bệnh viện, đề nghị công ty thực hiện đầy đủ các yêu cầu nêu tại phụ lục đính kèm; các báo giá không cung cấp đầy đủ thông tin theo yêu cầu tại phụ lục của thông báo thì bệnh viện sẽ không có đầy đủ căn cứ để tổng hợp, xem xét.

- Được chào giá một hoặc nhiều danh mục hàng hóa trong danh mục mời chào giá của Bệnh viện theo khả năng cung cấp của công ty.

- Đề nghị các công ty thực hiện lấy file mẫu, thực hiện lập báo giá qua hệ thống cổng thông tin điện tử của bệnh viện Nhi Hà Nội <https://nhihanoi.vn>.

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Quý đơn vị!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Giám đốc;
- Website bệnh viện;
- <https://chaogiattbyt.moh.gov.vn>;
- <https://muasamcong.mpi.gov.vn>;
- Lưu: VT, VTTBYT.

GIÁM ĐỐC



Ngô Quang Hùng

Phụ lục

(Kèm theo Công văn số **824** /BVNHN-VTTBYT ngày **22** tháng **8** năm 2025)

	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
1	Lưu lượng kế kèm bình làm ấm 02 đầu ra	Cái	40
	I. Yêu cầu chung		
	Thiết bị mới 100%.		
	Sản xuất từ năm 2024 trở về sau.		
	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc ISO 9001 hoặc tương đương		
	II. Yêu cầu cấu hình cơ bản		
	- Phần Thân bằng Đồng mạ Crom		
	Bộ chia ổ khí oxy: 01 bộ		
	Bao gồm :		
	- Lưu lượng kế: 2 Cái		
	- Bình làm ấm : 2 Bình		
	III. Yêu cầu thông số kỹ thuật		
	Gồm hai (≥ 02) bộ lưu lượng kế Oxy		
	Dải đo: 0 đến $\geq 15\text{L/phút}$		
	Giắc cắm tương thích với đầu cấp khí Oxy chuẩn PURITAN-BENNETT		
	- Bình làm ấm: Sử dụng nhiều lần, có thể hấp tiệt trùng ở mức nhiệt $\geq 121^{\circ}\text{C}$		
2	Lưu lượng kế kèm bình làm ấm	Cái	8
	I. Yêu cầu chung		
	Thiết bị mới 100%.		
	Sản xuất từ năm 2024 trở về sau.		
	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc ISO 9001 hoặc tương đương		
	II. Yêu cầu cấu hình cơ bản		
	Lưu lượng kế kèm bình làm ấm và phụ kiện: 01 cái		
	III. Yêu cầu thông số kỹ thuật:		
	Bộ lưu lượng kế:		
	Giắc cắm tương thích với đầu cấp khí Oxy chuẩn: PURITAN-BENNETT		
	Dải đo: 0 đến $\geq 15\text{L/phút}$		
	Áp lực cấp: $\geq 4,5\text{bar}$		
	Bình làm ấm:		
	Bình làm ấm: sử dụng nhiều lần, có thể hấp tiệt trùng ở mức nhiệt $\geq 121^{\circ}\text{C}$		
	Đầu kết nối: bằng kim loại		
	Van quá áp lực: $\geq 1,4\text{bar}$		

	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
	Mức chứa: ≥ 200 cc		
3	Giường bệnh nhân kèm tủ đầu giường	Cái	50
	I. Yêu cầu chung		
	Thiết bị mới 100%.		
	Sản xuất từ năm 2024 trở về sau.		
	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc ISO 9001 hoặc tương đương		
	II. Yêu cầu cấu hình cơ bản		
	Thân giường kèm phụ kiện tiêu chuẩn: 01 cái		
	Phụ kiện gồm:		
	Tấm chắn đầu giường: 01 cái		
	Tấm chắn cuối giường: 01 cái		
	Thanh chắn bệnh nhân bên thành giường: 02 cái		
	Đệm: 01cái		
	Cọc truyền dịch: 01 cái		
	Móc treo chất thải: 02 cái		
	Kẹp bệnh án: 01 cái		
	Bàn ăn: 01 cái		
	Tủ đầu giường: 01 cái;		
	+ Tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Anh/tiếng Việt: 01 Bộ		
	III. Yêu cầu thông số kỹ thuật:		
	Tính năng:		
	- Giường được điều khiển bằng ≥ 01 tay quay		
	- Thân giường chính được làm từ thép phủ sơn tĩnh điện. Chân giường và khung giường có độ dày $\geq 1.5\text{mm}$.		
	- Mặt giường được làm từ thép chống rỉ phủ sơn tĩnh điện, dập lỗ thoáng, có độ dày $\geq 1.2\text{mm}$		
	- Tấm chắn đầu giường và cuối giường làm bằng nhựa ABS. Bánh xe có đường kính: $\geq 125\text{mm}$, có phanh hãm		
	- Đệm làm bằng bông ép, vỏ bằng vải nylon chống nước hoặc tốt hơn, có độ dày $\geq 50\text{mm}$		
	- Thanh chắn bệnh nhân hai bên thành giường: làm bằng vật liệu nhôm có phủ nhựa ABS hoặc tốt hơn		
	+ Có nâng lên hạ xuống được và có chốt hãm; Tháo lắp dễ dàng và gấp lại được.		
	Thông số kỹ thuật:		
	- Điều chỉnh tư thế đầu: từ 0° đến $\geq 75^\circ \pm 5^\circ$;		
	Trọng lượng tải: $\geq 200\text{kg}$; Kích thước: Khoảng $\geq 2150 \times 950 \times 500$ mm		

	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
	- Bàn ăn: Bàn ăn làm bằng chất liệu nhựa ABS hoặc PP; Cánh tay đỡ hai bên làm bằng thép phủ sơn tĩnh điện; Bàn ăn có thể gấp gọn về phía cuối giường; Kệp bệnh án có kích thước $\geq 25\text{cm} \times 35\text{cm}$		
	- Tủ đầu giường: Kích thước (Cao x Rộng x Sâu): $\geq 780 \times 480 \times 480$ (mm). Vật liệu: làm bằng nhựa, bề mặt phủ ABS hoặc tốt hơn, chân tủ có 04 bánh xe dễ dàng di chuyển.		
	Tủ đầu giường:		
	+ 01 bàn ăn có thể kéo ra và xếp vào gọn gàng trong tủ;		
	+ 01 ngăn kéo phía trên, có ray trượt đẩy ra/vào dễ dàng;		
	+ 01 hộc tủ phía dưới, bên trong có ≥ 02 ngăn, hộc tủ có cánh đóng mở; ≥ 02 giá treo khăn hai bên thành tủ		
4	Cân trọng lượng có thước đo chiều cao	Cái	7
	I. Yêu cầu chung		
	Thiết bị mới 100%.		
	Sản xuất từ năm 2024 trở về sau.		
	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc ISO 9001 hoặc tương đương		
	II. Yêu cầu cấu hình cơ bản		
	+ Thân cân chính: 01 cái		
	+ Thước đo chiều cao: 01 cái		
	Tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Anh+tiếng Việt: 01 bộ		
	III. Yêu cầu thông số kỹ thuật:		
	- Là loại cân bàn điện tử loại đứng, có gắn thước đo chiều cao		
	- Hiện thị trên màn hình LCD, có chiếu sáng nền		
	- Tải trọng: $\geq 250\text{kg}$, độ chia $\leq 50\text{g}$		
	- Kích thước: $\geq 29 \times 47 \times 100\text{cm}$		
	- Nguồn điện: 220V, 50Hz		
	- Có tính chỉ số BMI		
	- dễ dàng cài đặt		
	- Dải đo chiều cao: từ $\geq 800 - 2100$ mm, chia $\leq 5\text{mm}$		
	- Phần Đầu thước đo gấp gọn được		
	- Có pin sạc		
5	Cọc truyền	Cái	92
	I. Yêu cầu chung		
	Thiết bị mới 100%.		
	Sản xuất từ năm 2025 trở về sau.		
	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc ISO 9001 hoặc tương đương		
	II. Yêu cầu cấu hình cơ bản		
	Cọc truyền: 01 cái		

	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
	III.Yêu cầu thông số kỹ thuật		
	- Vật liệu inox 201 hoặc tốt hơn		
	- Kích thước(DxRxH): $\geq 450 \times 450 \times 1200-1800\text{mm}$		
	- Phần chân làm bằng hộp $\geq 30 \times 60 \times 0.6\text{mm}$		
	- Phần thân làm bằng ống inox phi $\geq 25\text{mm}$ và phi $19 \times 0,8\text{mm}$		
	- ≥ 2 móc treo bằng dây đặc inox phi $\geq 4\text{mm}$		
	- Bánh xe ≥ 03 bánh, phi $\geq 50\text{mm}$ có khóa hãm.		
	- Giá treo có thể điều chỉnh được độ cao bằng núm hoa thị nhựa đúc.		
6	Tủ thuốc	Cái	17
	I. Yêu cầu chung		
	Thiết bị mới 100%.		
	Sản xuất từ năm 2025 trở về sau.		
	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc ISO 9001 hoặc tương đương		
	II. Yêu cầu cấu hình cơ bản		
	Thân tủ chính kèm phụ kiện tiêu chuẩn: 01 cái		
	III.Yêu cầu thông số kỹ thuật		
	Vật liệu: inox sus 201 hoặc tốt hơn		
	Kích thước: $\geq D800 \times R400 \times C1600\text{mm}$		
	- Khung chính của tủ bằng hộp inox $\geq 25 \times 25\text{mm}$		
	- Tủ gồm 2 phần :		
	+ Phần trên: gồm 3 tầng		
	Tầng trên là khoang treo tủ AB có sàn nghiêng chia ô.		
	Khoang giữa là 1 sàn nghiêng lớn chia ô.		
	1 sàn phẳng inox phía giữa tủ		
	Có 2 sàn phẳng bằng tấm inox, 2 mặt hông bằng kính. Mặt sau bằng inox tấm, mặt trước gồm 2 cửa bằng kính khung inox		
	+ Phần dưới: gồm 2 sàn tấm inox phẳng, các mặt bao che bằng inox tấm.		
	+ Các khoang tủ có khóa treo và chốt chặn inox.		
	+ Chân tủ có gắn đế cao su chống rung.		
	Toàn bộ tủ được hàn liền bằng công nghệ hàn Tig, kết cấu chắc chắn, cắt gập trên hệ thống máy thủy lực, được mài nhẵn và đánh bóng đạt tiêu chuẩn.		
7	Xe đẩy cấp phát thuốc	Cái	7
	I. Yêu cầu chung		
	Thiết bị mới 100%.		
	Sản xuất từ năm 2025 trở về sau.		
	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc ISO 9001 hoặc tương đương		

	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
	II. Yêu cầu cấu hình cơ bản		
	Vật liệu inox 201 hoặc tốt hơn		
	Kích thước: $\geq 750 \times 450 \times 1050 \text{mm}$		
	Khung chính của xe bằng hộp $\geq 25 \times 25 \times 0.6 \text{mm}$		
	Mặt sàn xe bằng inox tấm dày $\geq 0.5 \text{mm}$, thiết kế dạng khay sâu $\geq 25 \text{mm}$		
	Bộ lan can bao trên các tầng bằng ống $\geq 12 \times 0.7 \text{mm}$		
	Xe có 2 ngăn kéo trượt bằng ray bi trơn nhẹ, tay nắm bằng inox.		
	Có ≥ 2 xô nhựa đựng chất thải.		
	Xe có bộ 4 bánh xe cao su, phi $\geq 100 \text{mm}$, ≥ 2 bánh có khóa hãm.		
8	Xe đẩy đặt bình oxy	Cái	18
	I. Yêu cầu chung		
	Thiết bị mới 100%.		
	Sản xuất từ năm 2025 trở về sau.		
	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc ISO 9001 hoặc tương đương		
	II. Yêu cầu cấu hình cơ bản		
	Xe đẩy chính kèm phụ kiện tiêu chuẩn: 01 cái		
	III. Yêu cầu thông số kỹ thuật:		
	Chủng loại vật liệu: inox 201 hoặc tốt hơn		
	Kích thước: $\geq D420 \times R350 \times C1350 \text{mm}$		
	-Khung chính bằng ống inox phi $\geq 30 \times 0.9 \text{mm}$ và ống $\geq 25 \times 0.8 \text{mm}$		
	-Phần đai cố định và đế đặt bình ô xy được làm bằng tấm inox dày 3mm, gập định hình cố định theo bình ô xy.		
	-Bánh xe càng trước chịu lực phi 200mm, bánh xe dẫn hướng phi 100mm, có khóa hãm.		
	-xe có Cơ chế đẩy CO duỗi thuận tiện khi vận chuyển.		
	-Toàn bộ xe được hàn liền, kết cấu chắc chắn. Các mối hàn được mài nhẵn và đánh bóng đạt tiêu chuẩn.		
9	Bàn tit phẫu thuật	Cái	11
	I. Yêu cầu chung		
	Thiết bị mới 100%.		
	Sản xuất từ năm 2025 trở về sau.		
	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc ISO 9001 hoặc tương đương		
	II. Yêu cầu cấu hình cơ bản		
	Bàn tit phẫu thuật chính kèm phụ kiện tiêu chuẩn: 01 cái		
	III. Yêu cầu thông số kỹ thuật:		
	Vật liệu inox 201 hoặc tốt hơn		
	Kích thước: $\geq D750 \times R450 \times C800 - 1000 \text{mm}$		

	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
	- Khung chân bằng hộp $\geq 30 \times 60 \times 0.7 \text{mm}$		
	- Phần thân bằng ống phi ≥ 31 và $25 \times 0.9 \text{mm}$		
	- Phần khung đỡ mặt bằng hộp $\geq 10 \times 40 \times 0.7 \text{mm}$		
	Mặt bằng tấm inox dạng khay sâu $\geq 25 \text{mm}$, tháo rời với khung mặt bàn.		
	Bộ 4 bánh xe, phi $\geq 65 \text{mm}$, ≥ 2 bánh có khóa hãm.		
	Bàn có thể điều chỉnh được độ cao bằng núm hoa thị nhựa đúc		
10	Cọc truyền đôi	Cái	35
	I. Yêu cầu chung		
	Thiết bị mới 100%.		
	Sản xuất từ năm 2025 trở về sau.		
	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc ISO 9001 hoặc tương đương		
	II. Yêu cầu cấu hình cơ bản		
	Cọc truyền: 01 Cái		
	III. Yêu cầu thông số kỹ thuật		
	Chủng loại vật liệu: inox 201 hoặc tốt hơn		
	Kích thước(DxRxC): $\geq 450 \times 280 \times 1200\text{-}1900 \text{mm}$		
	Khung chân hộp $\geq 30 \times 30 \text{mm}$		
	Cọc có 2 thân trụ bằng ống phi ≥ 25 và 19mm		
	Bánh xe phi $\geq 50 \text{mm}$ có khóa hãm		
	Mỗi cọc có 2 móc treo bằng dây đặc inox phi $\geq 4 \text{mm}$		
11	Đồng hồ C02	Cái	5
	I. Yêu cầu chung		
	Thiết bị mới 100%.		
	Sản xuất từ năm 2025 trở về sau.		
	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc ISO 9001 hoặc tương đương		
	II. Yêu cầu cấu hình cơ bản		
	Đồng hồ C02 chính kèm phụ kiện tiêu chuẩn: 01 cái		
	III. Yêu cầu thông số kỹ thuật		
	- Đồng hồ CO2 sử dụng gắn chai khí CO2, áp suất đầu vào khoảng từ 0 đến $\geq 250 \text{ Bar}$		
	- Áp suất đầu ra điều chỉnh từ 0 đến $\geq 7 \text{ Bar}$, tùy vào mức độ cài đặt		
	- Điều áp tích hợp 2 đồng hồ theo giới áp suất đầu vào, áp suất đầu ra, 1 đầu ren kết nối G5/8, 1 van kiểm soát đóng mở cấp khí đầu ra, 1 van xả an toàn, 1 núm vặn điều chỉnh thay đổi áp suất		
	- Vật liệu bằng đồng được mạ cò Crom bề mặt bên ngoài hoặc tốt hơn		
12	Xe đồ vải inox	Cái	4

	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
	I. Yêu cầu chung		
	Thiết bị mới 100%.		
	Sản xuất từ năm 2025 trở về sau.		
	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc ISO 9001 hoặc tương đương		
	II. Yêu cầu cấu hình cơ bản		
	Thân xe chính kèm phụ kiện tiêu chuẩn: 01 cái		
	III. Yêu cầu thông số kỹ thuật		
	Vật liệu inox 201 hoặc tốt hơn		
	Kích thước: $\geq 600 \times 900 \times 700 \text{mm}$		
	Khung chính xe bằng ống inox phi $\geq 25 \times 0.9 \text{mm}$		
	Các song ống bao quanh bằng ống inox phi $\geq 16 \times 0.6 \text{mm}$		
	Sàn bằng tấm inox dày ≥ 0.8 gấp bo các cạnh, đáy được gia cố thanh tăng cứng.		
	Cánh mở có chốt hãm bằng thanh đặc inox.		
	Bộ 4 bánh xe phi $\geq 100 \text{mm}$, ≥ 2 bánh có khóa hãm.		
13	Xe thay băng	Cái	20
	I. Yêu cầu chung		
	Thiết bị mới 100%.		
	Sản xuất từ năm 2025 trở về sau.		
	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc ISO 9001 hoặc tương đương		
	II. Yêu cầu cấu hình cơ bản		
	Thân xe chính kèm phụ kiện tiêu chuẩn: 01 cái		
	III. Yêu cầu thông số kỹ thuật		
	Vật liệu inox sus 201 hoặc tốt hơn		
	Kích thước: $\geq 460 \times 760 \times 850 \text{mm}$		
	Khung xe bằng ống phi $\geq 21 \text{mm}$, dày $\geq 0,8 \text{mm}$		
	Mặt sàn xe bằng tấm inox dày $\geq 0.5 \text{mm}$, thiết kế dạng khay sâu $\geq 25 \text{mm}$		
	Hệ thống lan can bao 4 mặt trên 2 tầng bằng ống $\geq 12.7 \times 0.6 \text{mm}$		
	Xe có ≥ 01 xô nhựa đựng chất thải.		
	Xe có 4 bánh phi $\geq 65 \text{mm}$, ≥ 2 bánh có khóa hãm.		
14	Giường thủ thuật hút mũi	Cái	3
	I. Yêu cầu chung		
	Thiết bị mới 100%.		
	Sản xuất từ năm 2025 trở về sau.		
	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc ISO 9001 hoặc tương đương		
	II. Yêu cầu cấu hình cơ bản		
	Giường chính chính kèm phụ kiện tiêu chuẩn: 01 cái		
	Đệm mút PE: 01 cái		

	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
	III. Yêu cầu thông số kỹ thuật		
	Vật liệu inox 201 hoặc tốt hơn		
	Kích thước: $\geq D1850 \times R600 \times C500\text{mm}$		
	- Khung chính bằng ống $\geq 31.8 \times 1.0\text{mm}$		
	- Khung giằng và khung đỡ mặt bằng ống $\geq 25.4 \times 0.8\text{m}$		
	- Phần mặt bàn bằng tấm đệm mút PE dày $\geq 50\text{mm}$, lót bên trong bằng tấm cốt gỗ dày $\geq 10\text{mm}$, bọc giả da chống thấm nước.		
	- Phần đầu dài $\geq 300\text{mm}$, nâng hạ độ cao bằng thanh răng.		
	- Chân bàn có gắn đế cao su chống rung.		
	- Các mối hàn được mài nhẵn và đánh bóng đạt tiêu chuẩn.		
15	Tủ đựng dụng cụ inox	Cái	8
	I. Yêu cầu chung		
	Thiết bị mới 100%.		
	Sản xuất từ năm 2025 trở về sau.		
	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc ISO 9001 hoặc tương đương		
	II. Yêu cầu cấu hình cơ bản		
	Thân tủ chính kèm phụ kiện tiêu chuẩn: 01 cái		
	III. Yêu cầu thông số kỹ thuật		
	Vật liệu inox sus 201 hoặc tốt hơn		
	- Kích thước: $\geq D800 \times R400 \times C1600\text{mm}$		
	- Khung chính tủ bằng hộp $\geq 25 \times 25 \times 0.6\text{mm}$		
	- Các phần sàn hồi cánh bằng tấm inox dày từ $\geq 0.4\text{mm}$		
	- Tủ gồm 2 phần :		
	+ Phần trên: gồm 3 tầng sàn bằng tấm inox gấp bo liền cạnh, 2 mặt hông bằng kính trắng. Mặt trước gồm 2 cửa bằng kính trắng khung inox		
	+ Phần dưới: gồm 2 sàn bằng tấm inox, các mặt bao che bằng inox tấm		
	- Các khoang tủ đều có khóa treo và chốt chặn inox.		
	- Chân tủ có đế cao su chống rung.		
16	Giường siêu âm	Cái	5
	I. Yêu cầu chung		
	Thiết bị mới 100%.		
	Sản xuất từ năm 2025 trở về sau.		
	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc ISO 9001 hoặc tương đương		
	II. Yêu cầu cấu hình cơ bản		
	Thân giường chính kèm phụ kiện tiêu chuẩn: 01 Cái		
	Đệm: 01 cái		
	III. Yêu cầu thông số kỹ thuật		

	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
	Vật liệu inox 201 hoặc tốt hơn		
	Kích thước: $\geq 1900 \times 600 \times 700 \text{mm}$		
	Khung chân bằng ống phi $\geq 31.8 \times 1.0 \text{mm}$, thanh giằng bằng ống phi $\geq 25.4 \times 0.9 \text{mm}$		
	Khung bao mặt bàn bằng hộp $\geq 30 \times 30 \times 0.7 \text{mm}$		
	Mặt bàn bằng tấm inox dày ≥ 0.8 , gấp bo các cạnh và được gia cố thanh giằng tạo độ cứng.		
	Đầu nâng điều chỉnh độ cao từ 0 đến ≥ 45 độ bằng thanh răng chống lật là inox.		
	Bàn được hàn liền hoặc tháo lắp bằng hệ thống bulong và núm tăng chỉnh inox.		
	Đệm mút bọc da dày $\geq 5 \text{cm}$		
	Chân có gắn đế cao su chống rung.		
17	Xe tiêm 3 tầng	Cái	12
	I. Yêu cầu chung		
	Thiết bị mới 100%, Sản xuất từ năm 2024 trở về sau		
	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc ISO 9001 hoặc tương đương		
	II. Yêu cầu cấu hình cơ bản		
	Thân xe chính kèm phụ kiện tiêu chuẩn: 01 cái		
	III. Yêu cầu thông số kỹ thuật		
	Vật liệu: inox sus 201 hoặc tốt hơn		
	Kích thước: $\geq 750 \times 450 \times 950 \text{mm}$		
	Khung xe bằng ống phi $\geq 21.8 \times 0.9 \text{mm}$		
	Mặt sàn xe bằng tấm inox dày $\geq 0.5 \text{mm}$, thiết kế dạng khay sâu $\geq 25 \text{mm}$.		
	Hệ thống lan can bao 4 mặt trên 3 tầng xe bằng ống $\geq 12.7 \times 0.7 \text{mm}$		
	Xe có ≥ 01 xô nhựa đựng chất thải.		
	Xe có 4 bánh xe, phi $\geq 75 \text{mm}$, ≥ 2 bánh có khóa hãm.		
18	Ghế xoay Inox	Cái	80
	I. Yêu cầu chung		
	Thiết bị mới 100%.		
	Sản xuất từ năm 2025 trở về sau.		
	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc ISO 9001 hoặc tương đương		
	II. Yêu cầu cấu hình cơ bản		
	Ghế chính kèm phụ kiện tiêu chuẩn: 01 cái		
	III. Yêu cầu thông số kỹ thuật		
	Vật liệu: inox sus 201 hoặc tốt hơn		
	Kích thước: $\geq 230 \times 650 \text{mm}$		
	Khung chân bằng ống inox phi $\geq 25 \text{mm}$		

	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
	Mặt ghế inox đường kính $\geq 230\text{mm}$		
	Hệ thống xoay nâng hạ bằng thanh trục ren thép phi $\geq 20\text{mm}$ và vòng bi.		
	Chân có gắn đế cao su		
19	Tủ đầu giường	Cái	20
	I. Yêu cầu chung		
	Thiết bị mới 100%.		
	Sản xuất từ năm 2025 trở về sau.		
	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc ISO 9001 hoặc tương đương		
	II. Yêu cầu cấu hình cơ bản		
	Tủ đầu giường nhựa ABS		
	Ngăn kéo, tủ đựng vật dụng cá nhân, có 2 tai treo khăn mặt		
20	Đệm giường inox	Cái	60
	I. Yêu cầu chung		
	Thiết bị mới 100%.		
	Sản xuất từ năm 2025 trở về sau.		
	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc ISO 9001 hoặc tương đương		
	II. Yêu cầu cấu hình cơ bản		
	Đệm giường: 01 cái		
	III. Yêu cầu thông số kỹ thuật		
	Chất liệu: Mút PE hoạt tốt hơn		
	Kích thước(DxRxC): $\geq 1830 \times 830 \times 50\text{mm}$		
	Đệm dày $\geq 5\text{cm}$		
	Bọc giả da chống thấm nước		
21	Khuôn đúc thép không gỉ	Cái	40
	I. Yêu cầu chung		
	Thiết bị mới 100%.		
	Sản xuất từ năm 2025 trở về sau.		
	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc ISO 9001 hoặc tương đương		
	II. Yêu cầu cấu hình cơ bản		
	Sử dụng trong mô học để đúc mẫu bệnh phẩm.		
	Các khuôn cơ sở cho phép định tâm chính xác mẫu thử trong khối parafin. Sản phẩm có thể được tái sử dụng, có thể được hấp tiệt trùng sau khi làm sạch bằng xylene.		
	Vật liệu: thép không gỉ (không chứa phthalate và latex)		
22	Hộp đựng tiêu bản nghiên cứu ≥ 100 vị trí	Cái	5
	I. Yêu cầu chung		
	Thiết bị mới 100%.		
	Sản xuất từ năm 2025 trở về sau.		

	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc ISO 9001 hoặc tương đương		
	II. Yêu cầu cấu hình cơ bản		
	Được thiết kế như một giải pháp tiện lợi để lưu trữ tạm thời và chuyển các tiêu bản kính hiển vi		
	Có thể chứa cả các tiêu bản kính hiển vi tiêu chuẩn có kích thước 75,0mm×25,0mm×(0,8-1,2)mm và các tiêu bản kính hiển vi có kích thước 76,0mm×26,0mm×(0,8-1,2)mm trên thị trường.		
	· Được làm bằng vật liệu ABS, có thể tái sử dụng		
	· Khóa bấm/ khóa kim loại và nắp bản lề giúp vận hành an toàn		
	· Thẻ chỉ mục chống thấm nước được gắn bên trong nắp để nhận dạng mẫu vật đơn giản		
	· Gioăng tấm dây ngăn các tiêu bản khỏi rung lắc khi di chuyển		
23	Hộp đựng tiêu bản nghiên cứu ≥ 50 vị trí	Cái	5
	I. Yêu cầu chung		
	Thiết bị mới 100%.		
	Sản xuất từ năm 2025 trở về sau.		
	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc ISO 9001 hoặc tương đương		
	II. Yêu cầu cấu hình cơ bản		
	Được thiết kế như một giải pháp tiện lợi để lưu trữ tạm thời và chuyển các tiêu bản kính hiển vi		
	Có thể chứa cả các tiêu bản kính hiển vi tiêu chuẩn có kích thước 75,0mm×25,0mm×(0,8-1,2)mm và các tiêu bản kính hiển vi có kích thước 76,0mm×26,0mm×(0,8-1,2)mm trên thị trường.		
	· Được làm bằng vật liệu ABS, có thể tái sử dụng		
	· Khóa bấm/ khóa kim loại và nắp bản lề giúp vận hành an toàn		
	· Thẻ chỉ mục chống thấm nước được gắn bên trong nắp để nhận dạng mẫu vật đơn giản		
	· Gioăng tấm dây ngăn các tiêu bản khỏi rung lắc khi di chuyển		
24	Pank không mẫu 16 cm	Cái	300
	I. Yêu cầu chung		
	Thiết bị mới 100%.		
	Sản xuất từ năm 2025 trở về sau.		
	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc ISO 9001 hoặc tương đương		
	II. Yêu cầu cấu hình cơ bản		
	Kích thước : 16 cm (±5%) Chất liệu thép không gỉ, tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất thiết bị		
25	Kéo thẳng nhọn 16 cm	Cái	150
	I. Yêu cầu chung		

	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
	Thiết bị mới 100%.		
	Sản xuất từ năm 2025 trở về sau.		
	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc ISO 9001 hoặc tương đương		
	II. Yêu cầu cấu hình cơ bản		
	Kích thước : 16 cm ($\pm 5\%$) Chất liệu thép không gỉ, tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất thiết bị		
26	Phẫu tích không mẫu 16 cm	Cái	150
	I. Yêu cầu chung		
	Thiết bị mới 100%.		
	Sản xuất từ năm 2025 trở về sau.		
	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc ISO 9001 hoặc tương đương		
	II. Yêu cầu cấu hình cơ bản		
	Kích thước : 16 cm ($\pm 5\%$) Chất liệu thép không gỉ, tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất thiết bị		
27	Cán dao số 3	Cái	50
	I. Yêu cầu chung		
	Thiết bị mới 100%.		
	Sản xuất từ năm 2025 trở về sau.		
	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc ISO 9001 hoặc tương đương		
	II. Yêu cầu cấu hình cơ bản		
	Kích thước : 12,5cm ($\pm 5\%$) Chất liệu thép không gỉ, tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất		
28	Kìm mang kim 16 cm	Cái	50
	I. Yêu cầu chung		
	Thiết bị mới 100%.		
	Sản xuất từ năm 2025 trở về sau.		
	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc ISO 9001 hoặc tương đương		
	II. Yêu cầu cấu hình cơ bản		
	Kích thước : 16 cm ($\pm 5\%$) Chất liệu thép không gỉ, tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất thiết bị		
29	Khay inox 22x17cm	Cái	100
	I. Yêu cầu chung		
	Thiết bị mới 100%.		
	Sản xuất từ năm 2025 trở về sau.		
	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc ISO 9001 hoặc tương đương		

	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
	II. Yêu cầu cấu hình cơ bản		
	Chất liệu: Inox Khay đựng dụng cụ, chiều cao $\leq 2\text{cm}$, chiều dài $\leq 23\text{cm}$, chiều rộng $\leq 17\text{cm}$		
30	Cốc bông	Cái	50
	I. Yêu cầu chung		
	Thiết bị mới 100%.		
	Sản xuất từ năm 2025 trở về sau.		
	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc ISO 9001 hoặc tương đương		
	II. Yêu cầu cấu hình cơ bản		
	Chất liệu: Inox 304 hoặc tương đương, đường kính $\leq 8\text{cm}$, chiều cao $\leq 5\text{cm}$		
31	Trụ cầm phanh	Cái	50
	I. Yêu cầu chung		
	Thiết bị mới 100%.		
	Sản xuất từ năm 2025 trở về sau.		
	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc ISO 9001 hoặc tương đương		
	II. Yêu cầu cấu hình cơ bản		
	Kích thước: Độ Cao 13,5cm ($\pm 5\%$) Đường kính miệng: 4,5cm ($\pm 5\%$) Đường kính đáy: 9,5cm ($\pm 5\%$) Chất liệu Inox. Bề mặt sáng bóng		
32	Hộp đựng dụng cụ 10x20x5cm	Cái	10
	I. Yêu cầu chung		
	Thiết bị mới 100%.		
	Sản xuất từ năm 2025 trở về sau.		
	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc ISO 9001 hoặc tương đương		
	II. Yêu cầu cấu hình cơ bản		
	Kích thước: Chiều dài 20cm, rộng 10cm, cao 5cm ($\pm 5\%$) Chất liệu Inox 201 Năm sản xuất thiết bị: 2025 trở về sau. Mới 100%		
33	Đè lưới khuấy inox	Cái	300
	I. Yêu cầu chung		
	Thiết bị mới 100%.		
	Sản xuất từ năm 2025 trở về sau.		
	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc ISO 9001 hoặc tương đương		
	II. Yêu cầu cấu hình cơ bản		

	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
	Chất liệu: Inox 304 hoặc tương đương, đường kính $\leq 13,5\text{cm}$		
34	Dao chích nhĩ	Cái	3
	I. Yêu cầu chung		
	Thiết bị mới 100%.		
	Sản xuất từ năm 2025 trở về sau.		
	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc ISO 9001 hoặc tương đương		
	II. Yêu cầu cấu hình cơ bản		
	Kích thước : 16cm ($\pm 5\%$) Chất liệu thép không gỉ, tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất		
35	Tấm bông inox	Cái	100
	I. Yêu cầu chung		
	Thiết bị mới 100%.		
	Sản xuất từ năm 2025 trở về sau.		
	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc ISO 9001 hoặc tương đương		
	II. Yêu cầu cấu hình cơ bản		
	Chất liệu: Inox 304 hoặc tương đương		
36	Móc nhọn	Cái	40
	I. Yêu cầu chung		
	Thiết bị mới 100%.		
	Sản xuất từ năm 2025 trở về sau.		
	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc ISO 9001 hoặc tương đương		
	II. Yêu cầu cấu hình cơ bản		
	Kích thước : 24 cm ($\pm 5\%$) Chất liệu thép không gỉ, tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất		
37	Loa soi tại các cỡ	Cái	20
	I. Yêu cầu chung		
	Thiết bị mới 100%.		
	Sản xuất từ năm 2025 trở về sau.		
	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc ISO 9001 hoặc tương đương		
	II. Yêu cầu cấu hình cơ bản		
	Chất liệu: Inox 304 hoặc tương đương		
38	Bát inox	Cái	
	I. Yêu cầu chung		
	Thiết bị mới 100%.		
	Sản xuất từ năm 2025 trở về sau.		
	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc ISO 9001 hoặc tương đương		
	II. Yêu cầu cấu hình cơ bản		

	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
	Chất liệu: Inox 201 hoặc tương đương, đường kính $\leq 14\text{cm}$, chiều cao $\leq 6\text{cm}$		
39	Thìa lấy ráy tai (Curret)	Cái	20
	I. Yêu cầu chung		
	Thiết bị mới 100%.		
	Sản xuất từ năm 2025 trở về sau.		
	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc ISO 9001 hoặc tương đương		
	II. Yêu cầu cấu hình cơ bản		
	Kích thước : 16 cm ($\pm 5\%$) Chất liệu thép không gỉ, tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất		
40	Kẹp khuỷu	Cái	55
	I. Yêu cầu chung		
	Thiết bị mới 100%.		
	Sản xuất từ năm 2025 trở về sau.		
	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc ISO 9001 hoặc tương đương		
	II. Yêu cầu cấu hình cơ bản		
	Kích thước : 16 cm ($\pm 5\%$) Chất liệu thép không gỉ, tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất		
41	Nhíp phẫu tích đầu nhọn	Cái	20
	I. Yêu cầu chung		
	Thiết bị mới 100%.		
	Sản xuất từ năm 2025 trở về sau.		
	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc ISO 9001 hoặc tương đương		
	II. Yêu cầu cấu hình cơ bản		
	Kích thước: 12,5cm ($\pm 5\%$) Chất liệu thép không gỉ, tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất		
42	Bộ que nong hậu môn các cỡ	Cái	5
	I. Yêu cầu chung		
	Thiết bị mới 100%.		
	Sản xuất từ năm 2025 trở về sau.		
	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc ISO 9001 hoặc tương đương		
	II. Yêu cầu cấu hình cơ bản		
	Bộ nong tử cung gồm 8 cây 2 đầu (16 số) từ đầu số 3-4 đến đầu số 17-18 Kích thước: 20cm ($\pm 5\%$) Chất liệu thép không gỉ.		

	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
43	Pank Magill	Cái	3
	I. Yêu cầu chung		
	Thiết bị mới 100%.		
	Sản xuất từ năm 2025 trở về sau.		
	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc ISO 9001 hoặc tương đương		
	II. Yêu cầu cấu hình cơ bản		
	Kích thước: 16cm ($\pm 5\%$) Chất liệu thép không gỉ. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất		
44	Kìm lấy dị vật (răng chuột)	Cái	5
	I. Yêu cầu chung		
	Thiết bị mới 100%.		
	Sản xuất từ năm 2025 trở về sau.		
	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc ISO 9001 hoặc tương đương		
	II. Yêu cầu cấu hình cơ bản		
	Kích thước 16cm Chất liệu: thép không gỉ. Sai số kích thước: ($\pm 5\%$)		
45	Kìm tách bột	Cái	2
	I. Yêu cầu chung		
	Thiết bị mới 100%.		
	Sản xuất từ năm 2025 trở về sau.		
	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc ISO 9001 hoặc tương đương		
	II. Yêu cầu cấu hình cơ bản		
	Kích thước: 24cm ($\pm 5\%$) Chất liệu thép không gỉ.		
46	Kìm cắt bột	Cái	2
	I. Yêu cầu chung		
	Thiết bị mới 100%.		
	Sản xuất từ năm 2025 trở về sau.		
	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc ISO 9001 hoặc tương đương		
	II. Yêu cầu cấu hình cơ bản		
	Kích thước: $\geq 24\text{cm}$ ($\pm 5\%$) Chất liệu thép không gỉ.		
47	Bộ điều chỉnh hút dẫn lưu màng phổi áp lực thấp	Bộ	5
	I. Yêu cầu chung:		
	Thiết bị mới 100%,		
	Sản xuất từ năm 2024 trở về sau		
	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương		

	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
	Xuất xứ: G7		
	II. Yêu cầu cấu hình:		
	+ Bộ điều chỉnh hút dẫn lưu màng phổi áp lực thấp chính kèm phụ kiện tiêu chuẩn: 01 cái		
	+ Tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Anh+tiếng Việt: 01 bộ		
	III. Yêu cầu thông số kỹ thuật		
	Có 01 bộ điều chỉnh hút dẫn lưu màng phổi có dải áp lực từ ≤ -40 đến 0 cm nước, giảm áp đầu vào ≥ -950 mbar, phần nắp trên bằng nhôm anodized, có núm điều chỉnh chân không;		
	Có 02 bình chứa dịch làm bằng polycarbonate, dung tích mỗi bình là ≥ 1.000 ml, giảm áp đầu vào ≥ -950 mbar, bình chứa dịch có thể hấp tiệt trùng tại mức nhiệt độ ≥ 121 độ C, trong vòng ≥ 15 phút.		
48	Đèn khám tai	Cái	24
	I. Yêu cầu chung:		
	Thiết bị mới 100%,		
	Sản xuất từ năm 2024 trở về sau		
	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc ISO 9001 hoặc tương đương		
	Xuất xứ: Quốc gia thuộc (G7)		
	II. Yêu cầu cấu hình:		
	+ Thân đèn chính kèm phụ kiện tiêu chuẩn: 01 cái		
	+ Tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Anh+tiếng Việt: 01 bộ		
	III. Yêu cầu thông số kỹ thuật:		
	Bóng đèn LED 2.5V		
	- Chỉ số hoàn màu CRI ≥ 90 , nhiệt độ màu ≥ 4.000 Kelvin		
	- Sợi quang học cho chùm tia sáng tối ưu và truyền dẫn ánh sáng tốt nhất		
	- Kính quang học xoay 2 chiều với độ phóng đại x3		
	- Thấu kính với độ phóng đại x4 và kính quang học nhỏ mini dễ dàng gắn vào dụng cụ		
	- Dễ điều khiển nút bấm tháo loa soi tai		
49	Đèn Clar khám tai mũi họng	Cái	8
	I. Yêu cầu chung:		
	Thiết bị mới 100%,		
	Sản xuất từ năm 2024 trở về sau		
	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc ISO 9001 hoặc tương đương		
	Xuất xứ: Quốc gia thuộc (G7)		
	II. Yêu cầu cấu hình:		
	Thân đèn chính kèm phụ kiện tiêu chuẩn: 01 cái		

	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
	Tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Anh+tiếng Việt: 01 bộ		
	III. Yêu cầu thông số kỹ thuật:		
	Chủng loại đèn LED hoặc tốt hơn, tuổi thọ ≥ 50.000 giờ		
	- Kiểu băng đeo đầu với ngăn chứa pin gắn sẵn và jack cắm sạc pin bên trong 4 viên pin sạc AAA (NiMH) hoặc tương đương		
	- Tuổi thọ Pin: ≥ 90 phút, với pin sạc		
	- Ánh sáng LED hoặc tốt hơn, với cường độ ≥ 5.500 Kelvin		
	- Khoảng cách làm việc: ≥ 200 mm, cường độ sáng: ≥ 23.000 lux, với đường kính quang trường tối đa: ≥ 120 mm, đường kính quang trường tối thiểu: ≥ 30 mm.		
	- Trọng lượng khoảng: ≤ 260 g		
50	Ăm kế nhiệt kế thường	Cái	8
	I. Yêu cầu chung:		
	Thiết bị mới 100%,		
	Sản xuất từ năm 2024 trở về sau		
	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc ISO 9001 hoặc tương đương		
	II. Yêu cầu cấu hình:		
	+ Ăm kế nhiệt kế chính kèm phụ kiện tiêu chuẩn: 01 Cái		
	+ Tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Anh+tiếng Việt: 01		
	III. Yêu cầu thông số kỹ thuật:		
	Phạm vi đo nhiệt độ: ≤ -40 °C $\sim \geq + 85$ °C		
	Nhiệt độ chính xác khoảng: ± 0.5 °C (-20 °C ~ 40 °C; ± 0.1 °C (khác)		
	Độ ẩm: $\leq 10\%$ $\sim \geq 99\%$		
	Độ chính xác độ ẩm khoảng: $\leq \pm 3\%$ RH (25 °C, 20% $\sim 90\%$ RH); $\leq \pm 5\%$ RH (khác)		
	Độ phân giải: nhiệt độ khoảng ≤ 0.1 °C, độ ẩm $\leq 0.1\%$ RH		
	Giá trị chia vạch: ≤ 20 °C (nhiệt độ), $\leq 5\%$ (độ ẩm)		
	Khoảng đo: -20 °C đến 40 °C (nhiệt độ); 10% - 90% (độ ẩm)		
	Độ chính xác nhiệt độ: $\leq \pm 1$ °C		
	Độ chính xác độ ẩm: $\leq \pm 2\%$		
51	Máy khí dung	Máy	40
	I. Yêu cầu chung		
	Thiết bị mới 100%.		
	Sản xuất từ năm 2025 trở về sau.		
	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc ISO 9001 hoặc tương đương		
	Nguồn điện sử dụng: 220V ($\pm \leq 10\%$), 50Hz.		
	II. Yêu cầu cấu hình:		

	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
	Máy khí dung kèm phụ kiện: 01 máy		
	Gồm:		
	Bộ xông 01 bộ		
	Ống dẫn khí 01 cái		
	5 miếng lọc dự phòng,		
	Ống ngậm 01 cái		
	Mặt nạ trẻ em 01 cái		
	Mặt nạ người lớn 01 cái		
	Bộ đổi điện (sạc) 01 bộ		
	Túi đựng, bản hướng dẫn sử dụng		
52	Cáng vận chuyển bệnh nhân	Cái	7
	I. Yêu cầu chung		
	Thiết bị mới 100%.		
	Sản xuất từ năm 2025 trở về sau.		
	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc ISO 9001 hoặc tương đương		
	II. Yêu cầu cấu hình:		
	-giường có thể được nâng lên hoặc hạ xuống Điều khiển bằng Tay quay		
	-Có 4 bánh xe cao cấp kích thước khoảng 150mm và có hệ thống khóa trung tâm giúp tăng độ ổn định của cáng khi đứng yên.		
	-có mũi tên được đánh dấu rõ ràng giúp người dùng thao tác dễ dàng hơn.		
	-Có giá đỡ cho bình oxy bên dưới phần đầu với đường kính trong 128mm, dày 5mm, rộng 20mm		

Mẫu báo giá

(Công ty....., Địa chỉ..., MST:....., Số Điện thoại liên hệ:.....)

BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Nhi Hà Nội

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện Nhi Hà Nội, chúng tôi [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho hàng hóa như sau:

1. Báo giá:

STT	Danh mục hàng hóa	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất	Mã HS	Thông số kỹ thuật/Đặc tính kỹ thuật	Năm sản xuất	Xuất xứ	Số lượng/ khối lượng	Đơn vị tính	Đơn giá (VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan (VND)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) (VND)	Thành tiền (VND)	Kết quả trúng thầu trong thời gian 12 tháng (nếu có)
1	Thiết bị A												
2	Thiết bị B												
n	...												

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng... năm ... [ghi ngàytháng....năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))